

Bản án số: 46/2026/HS-ST
Ngày: 15-7-2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khải và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng Hải – Thư ký của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Lâm Đồng xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Y Bì Y, sinh ngày 22/02/2004, tại tỉnh Lâm Đồng; Số CCCD: 067204006158; Nơi cư trú: Bon U, xã C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Mnông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Y Phiắc P (sinh năm 1977) và bà H Dyuan Y1 (sinh năm 1979); chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: 01, Ngày 28/02/2026 bị Công an xã C, tỉnh Lâm Đồng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 15/QĐ-XPHC; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2026; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam C - Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh L – Có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1984; Địa chỉ: TDP C T, phường B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị L, sinh năm 1991; Địa chỉ: TDP H, phường T, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/01/2026, do thiếu tiền tiêu xài, Y B Ya một mình đi bộ qua các tuyến đường thuộc Bon U, xã C, tỉnh Lâm Đồng để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà rẫy ông Nguyễn Tấn D (SN: 1984, HKTT: Tổ

dân phố C T, phường B, tỉnh Đắk Lắk) thuộc Bon U, xã C, tỉnh Lâm Đồng thì nhìn thấy cửa không khóa, nhà không có ai trông coi, ở bên hông nhà có 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng, biển kiểm soát (BKS) 48B1-148.88. Y Bi Y mở cửa đi vào trong nhà thì thấy 01 tủ quần áo, Y B Ya mở ngăn tủ thì thấy số tiền 1.500.000đ (Y Bi Ya đếm được 07 tờ tiền mệnh giá 200.000đ và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000đ) và một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đối với xe BKS 48B1-148.88. Y Bi Y lấy số tiền 1.500.000đ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy nói trên rồi tiếp tục đi đến vị trí xe mô tô BKS 48B1-148.88 dựng bên hông nhà. Y Bi Ya lấy chìa khóa đang được cột ở xe gắn vào xe mô tô rồi điều khiển xe chạy về nhà mình. Sau đó, Y Bi Y sử dụng xe mô tô BKS 48B1-148.88 làm phương tiện di chuyển. Số tiền 1.500.000đ trộm cắp được từ nhà ông D, Y Bi Y đã tiêu xài cá nhân hết, đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, Y Bi Y đã đốt bỏ (BL 120, 122a, 127, 133).

Đến khoảng 20 giờ ngày 03/3/2026, Y B Ya tiếp tục đi bộ tại các tuyến đường thuộc Bon U, xã C, tỉnh Lâm Đồng để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi qua nhà chị Trần Thị L (SN: 1991, HKTT: Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Đắk Lắk) thuộc Bon U, xã C, tỉnh Lâm Đồng thì thấy công không khóa, Y B Ya đẩy cổng đi vào thì phát hiện nhà không có người trông coi, cửa phòng bếp không khóa. Y Bi Ya quan sát thấy trên hiên nhà có gắn 01 camera an ninh nên rút dây điện để tắt camera. Tiếp đến, Y Bi Y đi vào khu vực bếp và rút dây điện tại ổ cắm ở cửa sổ phòng bếp, sau đó lấy 01 tu vít để trên bàn rồi quay lại cửa sổ phía trước nhà, dùng tu vít tháo khung cửa sổ trèo vào trong nhà. Y Bi Y vào phòng ngủ thì thấy một tủ quần áo, Y B Ya kéo ngăn tủ nhỏ ra thì phát hiện bên trong có 01 ví da màu đen bên trong có tiền, Y Bi Y lấy hết số tiền bỏ vào túi quần rồi tiếp tục tìm kiếm. Y Bi Y phát hiện một con heo đất ở ngăn phía dưới tủ bên cạnh, Y B Ya đập heo đất và lấy toàn bộ tiền bỏ vào túi quần. Sau đó, Y Bi Y đi ra phòng khách phát hiện trên bàn có 01 túi màu nâu bên trong có tiền. Lúc này, Y Bi Y nghe thấy tiếng xe máy nên cầm túi tiền và nhảy qua cửa sổ bỏ chạy về phía sau vườn rồi đi đến rẫy cà phê của nhà ông Nông Văn B1 (SN: 1947, trú tại: Bon U, xã C, tỉnh Lâm Đồng), Y B Ya lục lại túi nâu lấy toàn bộ tiền trong túi rồi đốt túi, vứt lại tại khu vực rẫy cà phê ông B1. Sau khi trộm cắp tiền tại nhà bà L, Y B Ya bỏ toàn bộ tiền vào túi quần, không kiểm đếm, mang theo tiêu xài. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Y Bi Y đi đến quán K (địa chỉ: Thôn F E, xã C, tỉnh Lâm Đồng) hát và tiêu xài hết số tiền 1.571.000đ. Sau đó thuê taxi đi đến quán M (địa chỉ: Thôn B E, xã C, tỉnh Lâm Đồng), trên đường Đ Ya mua 01 gói thuốc lá, 01 bật lửa tại một cửa hàng tạp hóa với giá 29.000đ sau đó nhờ tài xế taxi đếm tiền dùm thì được biết số tiền còn lại là 21.400.000đ. Khi đến quán M, Y Bi Y mua 01 vé massage với giá 300.000đ nhưng không sử dụng dịch vụ và tiếp tục đi đến quán M1 (địa chỉ: Thôn D T, xã C, tỉnh Lâm Đồng) mua 02 vé massage với giá 600.000đ.

Sau đó Y Bi Y tiếp tục đi đến K1 (địa chỉ: A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk) và một quán Bar tại tỉnh Đắk Lắk để tiêu xài số tiền trộm cắp được (BL 121, 122b, 128-130). Qua điều tra, xác định được tổng số tiền Y Bi Y trộm cắp vào ngày 03/3/2026 là 23.000.000 đồng.

Ngày 04/03/2026, Y Bi Y đang sử dụng xe mô tô BKS 48B1-148.88 làm phương tiện di chuyển thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L phát hiện, giữ khẩn cấp và thu giữ trên người số tiền 5.110.000đ cùng 01 xe mô tô BKS 48B1-148.88 (BL 33).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 10/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã C kết luận: 01 xe mô tô BKS 48B1-148.88 tại thời điểm định giá ngày 29/01/2026 có giá trị là 3.000.000đ.

Đối với 01 túi da màu nâu có đặc điểm như nêu trên của bà Trần Thị L, do là tài sản có giá trị thấp, đã qua sử dụng nên bà L không yêu cầu giải quyết; quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã tiến hành định giá nhưng không có đủ cơ sở, điều kiện để định giá nên không có căn cứ xử lý (BL 35b,138).

Đối với 01 con heo đất của bà Trần Thị L, là tài sản có giá trị thấp, đã qua sử dụng và bị hư hỏng trước đó nên bị hại Trần Thị L không yêu cầu định giá, xử lý (BL 43, 138).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố đúng người, đúng tội, không oan.

Tại Cáo trạng số: 23/CT-VKSLĐ- KV, ngày 18/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 9 - Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Y Bi Y về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Đại diện VKSND khu vực 9 – Lâm Đồng được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự tại phiên tòa: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Y Bi Y phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS. Xử phạt bị cáo Y Bi Y từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số F856/QĐ-VPCQCSĐT ngày 13/4/2026 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L:

+ Trả lại 01 xe mô tô BKS: 48B1-148.88 cho ông Nguyễn Tấn D là chủ sở hữu hợp pháp (BL 149).

+ Trả lại số tiền 5.110.000đ, 01 tu vít, 01 túi da màu nâu, 04 mảnh gốm cho bà Trần Thị L là chủ sở hữu hợp pháp (BL 150).

- Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 03 (ba) USB ghi lại hình ảnh Y Bi Y vào quán K, quán M, quán M1 vào các ngày 03 và 04/3/2026.

Về trách nhiệm dân sự: Y Bi Y chưa bồi thường thiệt hại. Bị hại Trần Thị L, Nguyễn Tấn D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không

xem xét giải quyết (BL 135, 138)

Phản tranh luận, bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Kết thúc phản tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai của các bị hại và phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 13 giờ 30 ngày 29/01/2026, tại khu vực Bon U, xã C, tỉnh Lâm Đồng, Y Bi Y có hành vi trộm cắp của ông Nguyễn Tấn Danh S tiền 1.500.000 đồng và 01 xe mô tô BKS 48AB-148.88 trị giá 3.000.000 đồng. Vào khoảng 20 giờ ngày 03/3/2026, tại khu vực Bon U, xã C, tỉnh Lâm Đồng, Y Bi Y tiếp tục có hành vi trộm cắp của bà Trần Thị L số tiền 23.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Y Bi Y trộm cắp là 27.500.000 đồng.

Do đó, hành vi của bị cáo Y Bi Y đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

... ”

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi trộm cắp tài sản tài sản của bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và năng lực hành vi, nhận thức được

tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên do muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý, trông coi tài sản của các bị hại nên bị cáo đã 02 lần lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản, công sức của người khác. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để răn đe, giáo dục bị cáo sống có ích, có ý thức tôn trọng pháp luật và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung cho toàn xã hội, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Y Bi Y có thái độ thành khẩn khai báo đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 08/12/2020, bị Chủ tịch UBND thị trấn E, huyện T (cũ) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số 408/QĐ-XPVPHC.

Ngày 20/6/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (cũ) tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù giam về tội Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 171, điểm a khoản 1 Điều 173 BLHS theo Bản án số 22/2022/HSST, chấp hành xong ngày 18/01/2023 (được coi là không có án tích).

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Y Bi Y bị phát hiện ngày 04/3/2026, ngày 22/4/2026 Công an xã C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Y Bi Y là đúng quy định.

[5]. Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 xe mô tô BKS: 48B1-148.88 cho ông Nguyễn Tấn D là chủ sở hữu hợp pháp; Trả lại số tiền 5.110.000đ, 01 tu vít, 01 túi da màu nâu, 04 mảnh gốm cho bà Trần Thị L là chủ sở hữu hợp pháp; Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 03 (ba) USB ghi lại hình ảnh Y Bi Y vào quán K, quán M, quán M1 vào các ngày 03 và 04/3/2026.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Y Bi Y chưa bồi thường thiệt hại. Bị hại Trần Thị L, Nguyễn Tấn D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét những chứng cứ buộc tội các bị cáo, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đưa ra là phù hợp, nên HĐXX cần xem xét khi quyết định mức hình phạt.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Y Bi Y phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Y Bi Y 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/3/2026.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số F856/QĐ-VPCQCSĐT ngày 13/4/2026 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L:

Trả lại 01 xe mô tô BKS: 48B1-148.88 cho ông Nguyễn Tấn D là chủ sở hữu hợp pháp (BL 149).

Trả lại số tiền 5.110.000đ, 01 tu vít, 01 túi da màu nâu, 04 mảnh gốm cho bà Trần Thị L là chủ sở hữu hợp pháp (BL 150).

Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 03 (ba) USB ghi lại hình ảnh Y Bi Y vào quán K, quán M, quán M1 vào các ngày 03 và 04/3/2026.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Y Bi Y phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9 - Lâm Đồng;
- Phân trại tạm giam Cư Jut - Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Lâm Đồng ;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9 –Lâm Đồng
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Thọ